

Thực vật đặc trưng ở rừng U Minh

Anh Động

CÂY TRÀM

Cây tràm tên khoa học: *Melaleuca leucadenra* Myrtaecae. Tính trên toàn tỉnh Kiên Giang, năm 1998, diện tích rừng tràm được 37.043 ha. Tràm rất thích nghi với vùng đất chua phèn hay ngập nước, là loại cây đặc trưng cho rừng Um. Tràm ở đây mọc thành rừng. Dấu vết những dãy rừng tràm nguyên sinh bị vùi sâu dưới lớp bùn và thảm thực vật do thiên tai bão lụt năm Thìn (1904) được phát hiện ở U Minh, mà dân địa phương gọi là “tràm lụt”, chứng tỏ nơi đây, từ nhiều thế kỷ trước là những khu rừng rộng lớn. Nhiều cây tràm cổ thụ mọc ven sông, rạch có đường kính đến 40-50 cm. Có loại tràm mọc tự nhiên và loại tràm trồng. Tràm ở Kiên Giang chia làm 2 loại: Tràm cừ và tràm gió. Cây tràm cừ thân thẳng, cao hàng chục mét, thường làm cây cừ xây dựng. Tên gọi “tràm cừ” chính là bắt nguồn từ công dụng đó. Tùy theo chỗ đất tốt hay đất xấu, tràm cừ trồng từ 5 đến 8 năm là thu hoạch bằng cách đốn sạch. Cây tràm có sức tái sinh mạnh, nên những chồi non lại cho một lớp cây mới rất nhanh. Tràm cừ mọc được phân bố tập trung nhiều nhất vùng U Minh, Vĩnh Thuận, An Biên có một phần huyện Giồng Riềng, Hòn Đất, Kiên Lương.

Cây tràm gió cao trung bình 2mét, thân cây thường khẳng khiu, lá chứa một hàm lượng tinh dầu rất lớn, phân bố ở các vùng đồng cao đất phèn của huyện Hòn Đất, Kiên Lương và Phú Quốc. Khách đi trên lộ 19 (Nam Kỳ Khởi Nghĩa) thường xuyên từ An Biên-Vĩnh Thuận có thể trông thấy những lô từng tràm bạt ngàn của U Minh xanh kịt, mát tầm mắt. Tràm không chỉ cho gỗ, củi, tinh dầu. Tràm còn có tác dụng chống gió, chắn sóng, ngăn tốc độ dòng lũ, có tác dụng cải tạo môi sinh rất quan trọng. Rừng tràm là nơi cư trú của các loài chim, ong, rắn, rùa và một số loại thú khác. Nấm tràm(nấm mèo) cũng là một loại thực phẩm quý. Mật ong tràm có mùi thơm đặc biệt so với nhiều loại mật ong từ các loại hoa khác.

Nói đến việc “xanh hóa” hay “lấp kín” rừng U Minh bao phen bị chiến tranh tàn phá, hàng năm bị hỏa hoạn, trước hết phải nghĩ đến tràm- loại cây tuyệt vời về giá trị kinh tế cũng như những tác dụng nhiều mặt khác của nó đối với một số vùng đất trũng và phèn ở Kiên Giang. Ngày xưa, thực dân Pháp cho đấu thầu mở cúp khai thác hể khu vực rừng tràm này đến khu vực rừng tràm khác, nhưng rồi với sức phục hồi của tràm, rừng cũng lại được lấp kín trở lại. Hiện nay, khu vực rừng U Minh và một số khu vực đất trũng và phèn của huyện Kiên Lương, Hòn Đất đã được giao cho từng hộ dân nhận đầu tư làm “xanh hóa” lại rừng tràm đã mất. Biện pháp phục hồi rừng tràm giữa nhà nước và nhân dân cùng làm, đôi bên đều có lợi, tiền chắc rằng việc chăm sóc và bảo quản rừng sẽ có hiệu quả tốt hơn. Không bao lâu rừng tràm, nguồn lợi cây tràm sẽ là một nguồn lợi kinh tế đáng kể.

CHOẠI

Tính đến những mặt cỏ của rừng tràm Kiên Giang, phải kể đến loài choại. Choại chiếm tỉ lệ cỏ rừng đến 90% rồi mới đến các loại không đáng kể. Choại thuộc loại dây leo thuộc dòng họ dương xỉ (Pteropaida), một phân ngành của thực vật có mạch Trachéophyta. Ai vào rừng U Minh thì trước nhất phải ớn cái nổi càn qua những chùm choại. Choại dày đặc khắp nơi, choại leo um tùm theo những thân cây. Lá choại tương tự tàn rắng thu nhỏ, có nhiều cánh cứng xếp thành hai hàng, mỗi cành lá đều

có gai nhọn theo mép rìa. Lá choại lúc mới đâm mầm người ta gọi là “đọt choại”, hình dạng giống như một con cuốn chiếu nằm co trên cọng non mềm, hái luộc ăn rất ngon. Trong những năm căn cứ cách mạng ở trong rừng, thiếu lương thực, ta thường hay ăn đọt choại nấu cháo cá, lươn. Đọt choại nấu canh, luộc chấm mắm, trộn gỏi với ong non ăn rất ngon, có lúc ăn thay cơm được. Nguồn lợi lớn nhất về choại là dây. Dưới chân lùm choại đâm ra tua tua những cọng ngó, có cọng dài đến hàng chục mét, lớn bằng đầu ngón tay út. Người ta bứt choại thành bó, phơi khô thành dây. Mỗi nắm gọi là lọn, mười lọn gọi một thiên, mười thiên gọi một muôn, mười muôn gọi một vắn. Sau đó dây choại được lái buôn thu mua chở đi bán cho nhà vựa ở đô thị. Dây choại dùng để làm nhà nông thôn, bện đăng, đố, nò, lợp và các loại dây kiềng, buộc...Dây choại dùng vào những chỗ ngập nước rất bền.

Người ven rừng U Minh ,với nghề bứt dây choại coi như một nguồn kinh tế rất quan trọng trong đời sống gia đình. Xong mùa cấy họ bỏ cơm, gạo nồi niêu xuống xuống, kéo nhau vào rừng đập gộp cất xoai làm nơi tạm trú để bứt choại. Mỗi ngày bứt được bao nhiêu, gom về xoai đập sân phơi. Cứ vậy choại khô dần về nhà kê lái đến bán. Bứt choại mùa này gọi là “choại nước”, không được giá cao, bởi cọng choại ngắn và non, màu vàng sậm, không đủ độ bền khi dùng. “ Choại hạn” bán có giá cao, nhưng làm ra sản phẩm cực hơn “choại nước”, bởi đi vào rừng phải gồng gánh lợi bột, khi vận chuyển choại thành phẩm mang về vừa sức mỗi người.

MẬT CẬT

Một loại cây tương tự cây cau nhưng nhỏ và thấp, mọc thành từng bụi, hoặc từng đám, hai bên cọng của tàu lá đầy gai nhọn. Sau mùa cấy, người dân U Minh chống xuống vào rừng tìm đến những cây mật cật mọc nhiều để đốn lấy đọt non của cau. Mỗi cây mật cật chỉ cho ta một lá mỗi lần đốn. Lá mật cật non như cây quạt xếp, đốn đem về phơi khô bán cho những nhà chằm nón thủ công để họ chằm ra những chiếc nón lá truyền thống dân tộc Việt nam ai cũng đều biết. Nó hình chóp, rộng vành được chằm trên nhiều cọng vành tròn từ nhỏ đến lớn, qua lớp lá mật cật non, màu trắng ngà, trông thật xinh xắn. Có những thợ khéo tay người ta khoét một lớp lá mỏng hơn những nơi khác, khi đưa lên ánh sáng nổi rõ những dòng dân ca đậm nét quê hương. Có người còn bọc bên ngoài chiếc nón một lớp vải nhựa bóng trắng, trông thêm sang và dẹt.

BỒN BỒN

Loại cây cùng dòng họ lát (Jone), thân được ghép lại từ những lá bẹ dẹp và dài, cao ngang đầu người, mọc từng đám hàng nhiều ha ở những trũng đất lầy, ít phèn. Thường người ta nhổ lấy khúc gốc bồn bồn, lột lấy cái củ hũ non làm dưa chua đem bán, cũng là một nghề sống phụ của người dân U MINH. Ngoài làm dưa chua, bồn bồn non còn nấu cháo cá, xào với cá, thịt ăn độn thay cơm cũng được. Bồn bồn tự nhiên ở rừng U Minh nay còn lại rất ít, bởi rừng bị vỡ hoang làm ruộng, đất thuộc, bồn bồn lần lượt bị diệt chủng. Để tồn tại loài thực vật có ích và quý hiếm này, có những vùng đất trũng, đầm lầy, người ta trồng lại, có những gia đình trồng đến năm, mười công bồn bồn. Họ lấy bồn bồn non làm dưa chua bán, tính trên mặt bằng, mỗi công bồn bồn thu nhập gấp hai lần công trồng lúa.

CÂY BÀNG

Bàng cũng gọi là “cỏ gấu”, tên khoa học: *Leperia artieulata*, họ Cyperaceae, thuộc loại thân thảo, có bộ rễ chùm, thân cây tròn, từ gốc đến ngọn không có lông, đốt, nhỏ hơn chiếc đũa ăn cơm, giống như lác (cói), nhưng cây lác ở chỗ ruột rỗng. Đường kính thân cây bàng lớn khoảng 4mm. Cây dài khoảng

1,30 mét đến 1,70 mét. Cùng với cây trà, cây bàng thích nghi với vùng đất chua phèn ngập nước của cánh đồng Tứ giác Long Xuyên, hậu Tân Hiệp, Giồng Riềng và vùng đầm lầy U Minh. Hàng năm đến mùa khô, cây bàng tàn lụi, chỉ còn gốc nằm trong đất, đến mùa mưa lại bắt đầu chu kỳ sinh trưởng mới, khi bàng mọc lên cao đến độ thu hoạch, người ta dùng tay lằn sát gốc, nhổ lên từng nắm nhỏ, chứ không dùng dao cắt như lác, rồi bó lại thành “neo”, mỗi neo là một bó nhỏ có vòng tròn qui ước 2 gang tay đầu lại (khoảng 40 cm). Khi phơi khô, bàng có độ dai, dẻo và chịu lực khá, ít hút ẩm, ít thấm nước. Do đặc tính này mà bàng được dùng làm nguyên liệu để đan bao bì, làm đệm, đặc biệt là bao dùng đựng muối, đựng lúa gạo rất thích hợp. Thời kháng chiến chống Pháp, người ta dùng bàng đan đệm chằm làm nóp để ngủ thay mùng. Ở bài ca “ Nam bộ kháng chiến” có câu “Nóp với giáo mang ngang vai”, đó là loại “mùng ngủ” đệm bàng. Ngoài ra những cọng bàng ngắn, người ta giữ ra, đan cặp đựng quần áo, tài liệu, đan nón đội. Ty canh nông tỉnh Rạch Giá thuở ấy có tổ chức ra một số cơ sở trồng bàng trong rừng U Minh và một số “xưởng” đan bàng để phục vụ yêu cầu kháng chiến.

Ngày xưa, trước khi đan, người ta dùng chày giã từng cọng bàng nhỏ đặt trên phiến đá hay tấm ván để làm dẹp cọng bàng, gọi là “giã bàng”. Vì vậy, ở nông thôn có nghề đan bàng truyền thống, đêm đêm vang lên tiếng chày giã bàng thịch thịch quen thuộc. Tiếng chày giã bàng gợi nhớ mênh mông, nó đã đi sâu vào văn học đồng quê. Ngày nay, người ta dùng những trục cán thủ công, hay chạy bằng động cơ, năng suất tăng hơn gấp nhiều lần.

Kiên Giang, trên nhiều vùng đất úng thủy nhiễm phèn rộng lớn, ấy là “quê hương” của loài cây bàng sinh sống tự nhiên, ở nơi ấy diện tích bàng đông đặc đến 50%. Bàng mọc tập trung ở cánh đồng Tứ Giác Long Xuyên, bắc Hà Tiên, đông Tân Hiệp, Châu Thành, Giồng Riềng và một số khu vực ven rừng U Minh thượng.

Từ lâu, người dân Kiên Giang biết dùng cọng bàng để đan đệm thay chiếu nằm, hoặc để phơi lúa, khoai... Trong những năm kinh tế khủng hoảng, đời sống khó khăn, đa số nông dân nghèo ở Kiên Giang không tiền mua nổi vải mặc, đã dùng bàng đan áo và quần để che thân. Cũng có một thực tế là đối với công việc lao động như đốt than, bứt choại, lội đi cắm câu, cấy phát ngoài đồng... chiếc quần đùi, áo cánh “ba lỗ” bằng bàng chịu đựng cây cỏ cào xước, bùn nước thấm ngấm một cách bền bỉ hơn vải, lại không phải tốn tiền.

Ở một số xóm người Kinh, người Khmer trên những xã của Kiên Giang, sống về nghề đan bàng có truyền thống lâu đời, dường như đó là một tục nghiệp gia truyền, chứ họ vẫn biết thời buổi kinh tế phát triển bây giờ, làm nghề đan bàng chẳng có hiệu quả kinh tế là bao. Cứ vậy, trong những tháng nông nhàn mỗi năm, ra đồng nhổ bàng, phơi bàng, giữ bàng, đan bàng đối với họ trở thành tục lệ quê hương, chỉ có tiếng giã bàng thịch thịch dội vào tiềm thức sâu thẳm qua thâu đêm, họ mới chịu nổi vậy.

Lâu nay, việc khai thác bàng ở Kiên Giang chủ yếu theo cách thu hoạch tự nhiên, do đó năng suất và chất lượng rất hạn chế. Nghề đan bàng lâu cũng là một nghề truyền thống ở Kiên Giang. Hay chăng, nếu có một kế hoạch khoanh vùng, đầu tư kỹ thuật tốt, với diện tích bàng thiên nhiên hiện có, giữ gìn, bảo dưỡng, khôi phục lại tốt, ta có thể tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho hàng ngàn con người với cái nghề truyền thống ấy, mà hiện nay chưa phải là lỗi thời.

Tạp chí “ Bông Sen”- số 23 năm 2001

11/2004